

Tên:

Nghe:

Lớp: S2...

Ngày làm bài: Thứ..., ngày.../....



GLOBAL ENGLISH 2

Unit 2: Good neighbours - Vocabulary 1 & Movers Listening

Mẹo: Phân tích hình ảnh (Picture Analysis)

👉 Trước khi nghe câu hỏi hoặc bài nghe, hãy nhìn kỹ hình ảnh đi kèm. Tập trung vào các chi tiết như:

- **Nhân vật:** Ai trong hình? Họ đang làm gì?
- **Địa điểm:** Hình ảnh xuất hiện ở đâu? Bên cạnh cái gì?
- **Thời gian:** Có thể xác định được thời gian không? (Ví dụ: sáng, chiều, mùa xuân, mùa hè)
- **Hành động:** Họ đang làm gì trong bức tranh? (Ví dụ: ăn, chơi thể thao, học bài)

Điều này sẽ giúp con hình dung bối cảnh và dễ dàng hiểu được nội dung bài nghe khi nghe sau đó.



Ví dụ:

Trước khi nghe, con hãy nhìn thật kỹ bức tranh:

👉 Audio:

BOY: "Here's a picture of the farm that we went to on our school trip, Mum."

WOMAN: "It's great! Who's that person? The man who's coming out of the field?"

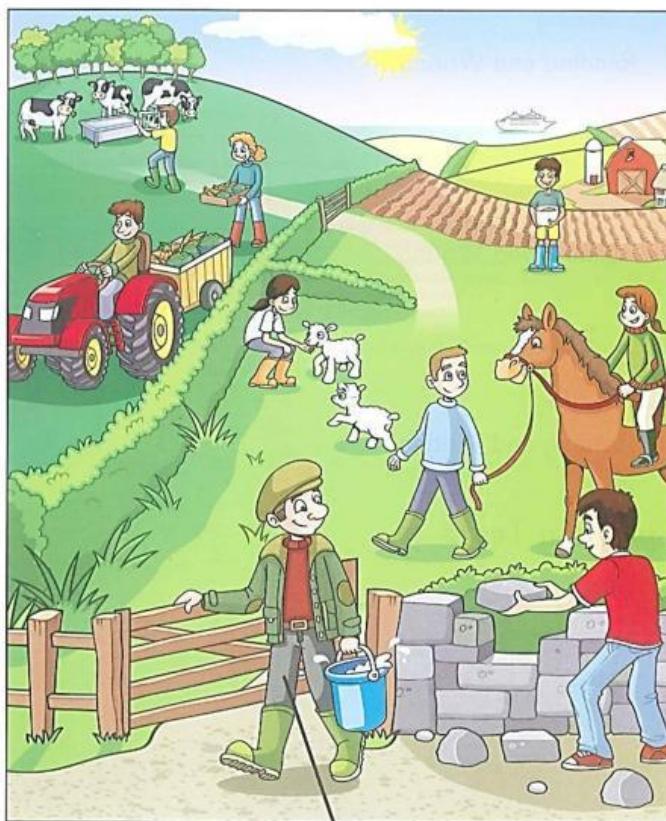
BOY: "With the water? That's Paul. He's the farmer's son."

WOMAN: "Oh! He looks busy!"

BOY: "He was!"

- **Nhân vật:** Paul – con trai của bác nông dân, đang đi ra khỏi cánh đồng và cầm xô nước.
- **Địa điểm:** Trên cánh đồng, gần chỗ có nước.

→ Chi tiết nổi bật: Paul = đi ra từ cánh đồng + có nước bên cạnh → dễ nhận ra Paul trong tranh.



Paul

❖ Extra vocabulary

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	field (n)	cánh đồng	3	feed (v)	cho ăn, nuôi
2	huge (adj)	khổng lồ	4	carry (v)	mang, vác, xách

*Note: n = noun: danh từ; v = verb: động từ; adj = adjective: tính từ.

*Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 ĐỒNG** vào vở ghi.

Con nghe bài ở link này: https://soundcloud.com/ms-chi-english/movers-2_test-1_part-1

Listening

Part 1 – 5 questions –

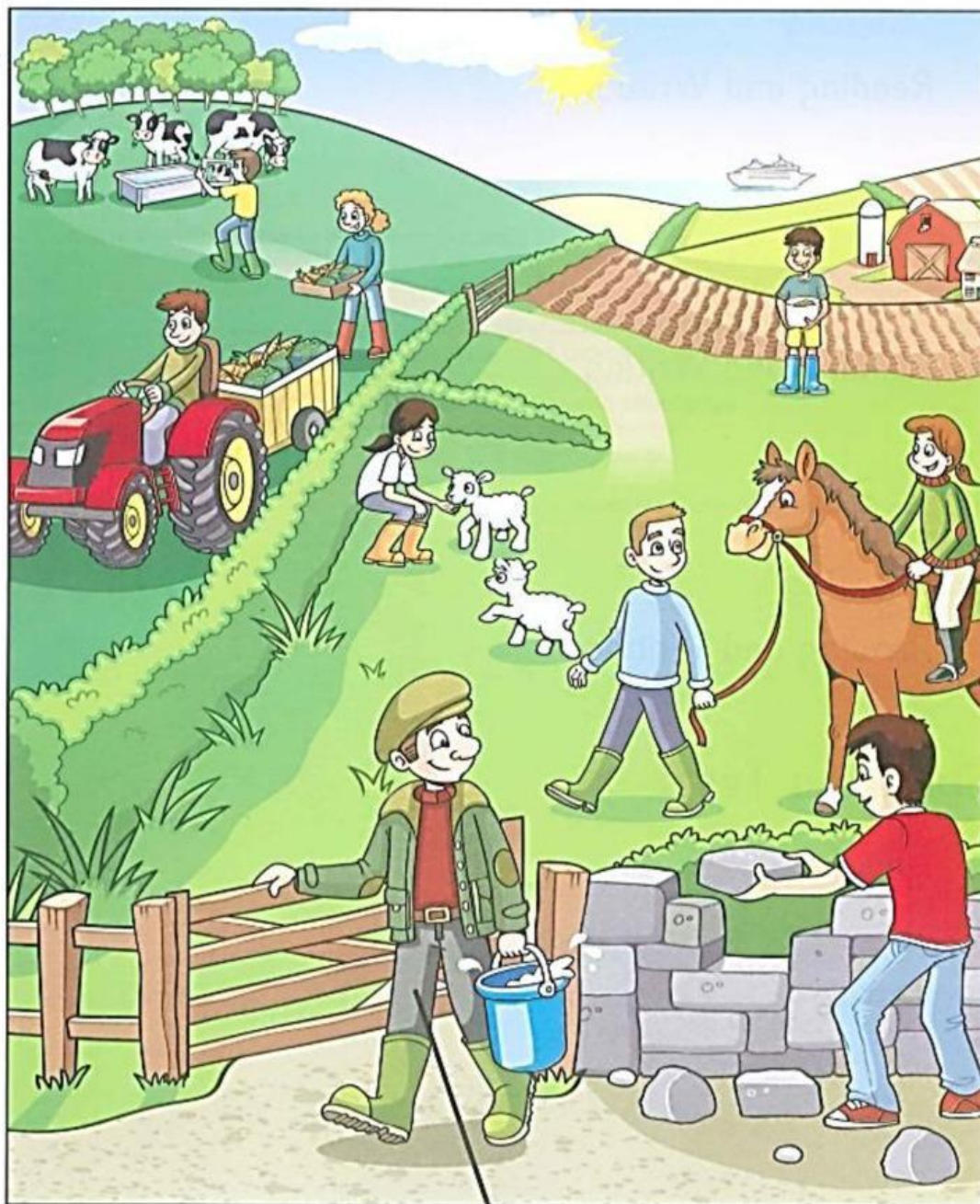
Listen and draw lines. There is one example.

Fred

Jack

Clare

Zoe



Peter

Paul

Julia

Tên:

Từ vựng & Ngữ pháp:

Lớp: S2...

Nghe:

Ngày giao bài: Thứ..., ngày.../.../...

Mini test:

Ngày nộp bài: Thứ..., ngày.../.../...



GLOBAL ENGLISH 2

Unit 2: Good neighbours - Vocabulary 1 & Movers Listening

A. VOCABULARY

❖ Occupations (Nghề nghiệp)

			
window cleaner (n) người lau cửa sổ	police officer (n) cảnh sát	reporter (n) phóng viên	nurse (n) y tá
			
bus driver (n) người lái xe buýt	baker (n) thợ làm bánh	painter (n) họa sĩ/thợ sơn	sailor (n) thuyền thủ
			
clothes designer (n) nhà thiết kế quần áo	writer (n) nhà văn	actor (n) diễn viên	

❖ Extra vocabulary

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	mountain (n)	núi	3	weather (n)	thời tiết
2	hungry (adj)	đói bụng			

*Note: n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ.

*Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 DÒNG vào vở ghi.

B. HOMEWORK

Exercise 1. Unscramble the letters. (Sắp xếp lại các chữ cái.)

0. NWIDOW CNLEARE	→ <u>WINDOW</u> <u>CLEANER</u>	1. RKEBA	→ B _____
2. RROPEPT	→ R _____	3. LOSIAR	→ S _____

4. SNUER

→ N _____

5. ATCOR

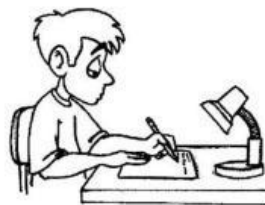
→ A _____

Exercise 2. Read the statements. Circle Yes or No. (Đọc câu và chọn đáp án Yes hoặc No.)



0. She is a teacher.

Yes No



3. He is a bus driver.

Yes No



1. She is a clothes designer.

Yes No



4. He is a reporter.

Yes No



2. She is a baker.

Yes No



5. He is a police officer.

Yes No

Exercise 3. Circle the correct answers. (Khoanh tròn đáp án đúng.)

0. Kelly works in a hospital. She is a **reporter** / nurse.1. Adam works in a school. He is a **teacher** / farmer.2. Justin cleans windows. He is a **police officer** / window cleaner.3. Rose works with cameras. She is a **doctor** / reporter.4. Niall works on a bus. He is a **bus driver** / singer.5. George catches bad people. He is a **police officer** / nurse.

Exercise 4. Fill in the blanks with the words from the box.

(Điền vào chỗ trống với các từ đã cho trong bảng.)

mine

its

ours

Tom's

theirs

Mary's

0. My name is Anna. This book is mine.

1. This is my cat. The toy is _____.

2. That is _____ jacket. It is his.

3. This is _____ bike. It is hers.

4. This is our garden. The flowers are _____.

5. These books are for my friends. They are _____.

CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

Con nghe bài ở link này: https://soundcloud.com/ms-chi-english/movers-2_test-2_part-1

Listening

Part 1

– 5 questions –

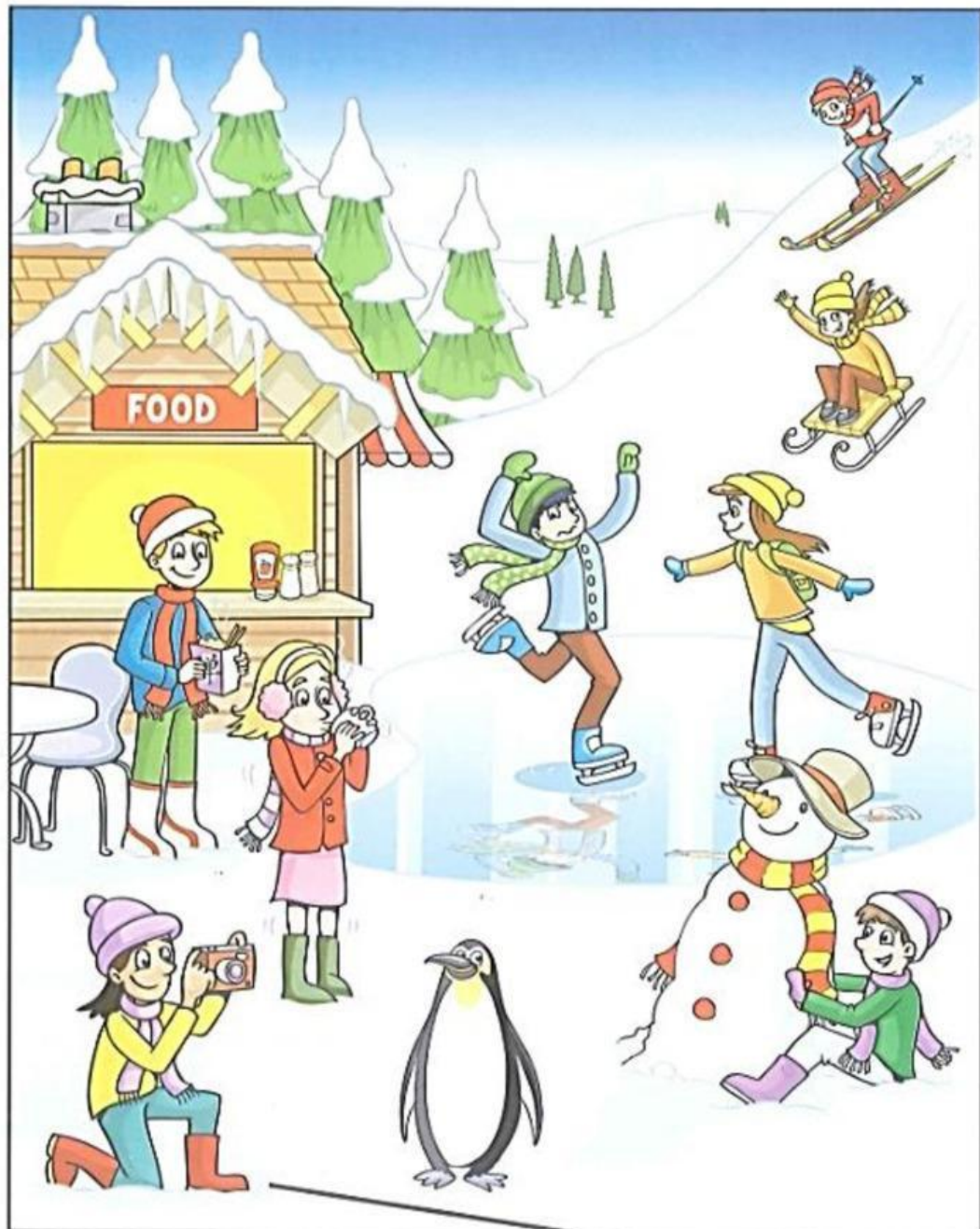
Listen and draw lines. There is one example.

Zoe

Paul

Clare

Jim



Charlie

Daisy

Julia